Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-28 15:23:09 +07:00

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2026, áp dụng đối với các khóa thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Thông tư này thay thế các Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc các đại học, học viện; hiệu trưởng các trường đại học; hiệu trưởng hoặc giám đốc các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học được phép đào tạo sau đại học; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh và tổ chức đào tạo các chương trình đào tạo chuyên sâu sau đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe cấp văn bằng bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 8 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15.

4. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam cấp bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc tuyển sinh và tổ chức đào tạo sau đại học

1. Việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; mọi người dự tuyển đáp ứng điều kiện đều có cơ hội dự tuyển bình đẳng theo yêu cầu của chương trình đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở đào tạo.

2. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo chương trình đào tạo đã ban hành, bảo đảm thống nhất về chuẩn đầu ra, chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng giữa các hình thức, phương thức đào tạo và đối tượng người học.

3. Người học hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các điều kiện theo quy định thì được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng.

Người học hoàn thành một hoặc một số học phần của chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ theo quy định được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc xác nhận kết quả học tập.

4. Cơ sở đào tạo thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong tuyển sinh và tổ chức đào tạo sau đại học.

Điều 3. Hình thức, phương thức và thời gian đào tạo

1. Cơ sở đào tạo quyết định hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và kế hoạch học tập toàn khóa của từng chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Giáo dục Đại học, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo và các quy định của Quy chế này.

2. Đào tạo trình độ tiến sĩ chỉ tổ chức thực hiện theo hình thức đào tạo chính quy. Nghiên cứu sinh chịu sự quản lý, giám sát và đánh giá của cơ sở đào tạo trong suốt quá trình đào tạo, tham gia hoạt động chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo các cách thức sau:

a) Học tập, nghiên cứu toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch học tập toàn khóa do cơ sở đào tạo ban hành, tham gia các hoạt động chuyên môn của cơ sở đào tạo bao gồm trợ giảng, hướng dẫn thực hành, thực tập, phòng thí nghiệm; không làm việc toàn thời gian tại cơ quan, tổ chức khác trong thời gian học tập.

b) Học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo bảo đảm đủ thời gian theo kế hoạch học tập toàn khóa do cơ sở đào tạo ban hành trong đó đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học.

3. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian đào tạo thạc sĩ được tính từ thời điểm quyết định nhập học của người học có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành việc nộp luận văn hoặc hoàn thành các yêu cầu tốt nghiệp khác theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Thời gian đào tạo chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng) do cơ sở đào tạo quyết định, bảo đảm phần lớn nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Thời gian đào tạo tiến sĩ được tính từ thời điểm quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm người học nộp luận án cho cơ sở đào tạo trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập;

c) Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba (2/3) và thời gian đào tạo tối đa không vượt quá 2,5 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo;

d) Thời gian đào tạo toàn khóa đối với hình thức đào tạo thường xuyên phải dài hơn từ một phần tư (1/4) đến một phần hai (1/2) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo tổ chức đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy;

đ) Thời gian thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế của người học theo quyết định của Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang bộ từ ba (03) tháng trở lên không tính vào thời gian đào tạo của người học;

4. Người học chưa tốt nghiệp khi hết thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo, kể cả trường hợp đã bị buộc thôi học, được đăng ký dự tuyển lại. Kết quả học tập, kết quả nghiên cứu còn trong thời hạn giá trị theo khoản 6 Điều 4 của Quy chế này được cơ sở đào tạo xem xét công nhận khi người học trúng tuyển và nhập học trở lại để tiếp tục học tập và xét tốt nghiệp.

Điều 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Người học được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần được thực hiện tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ, lĩnh vực tương ứng và đáp ứng yêu cầu về khối lượng học tập, nội dung học tập và chuẩn đầu ra của học phần tương ứng.

2. Tổng khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo mà người học đang theo học, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Người học đang theo học chương trình đào tạo trình độ đại học, đạt kết quả học tập từ loại khá hoặc tương đương trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo thạc sĩ cùng nhóm ngành.

4. Người học được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ với tổng khối lượng học tập được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 25% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ khi đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Người đang học chương trình đào tạo trình độ đại học, đã tích lũy tối thiểu 70% khối lượng học tập của chương trình đào tạo và có điểm trung bình chung tích lũy đạt loại giỏi hoặc tương đương trở lên;

b) Người đang học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đã tích lũy tối thiểu 40% khối lượng học tập của chương trình đào tạo và có điểm trung bình chung tích lũy đạt loại khá hoặc tương đương trở lên.

5. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo thiết kế của chương trình đào tạo và không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Kết quả học tập và chứng chỉ giáo dục đại học dùng để công nhận, chuyển đổi tín chỉ có giá trị trong thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo kể từ ngày được xác nhận hoàn thành học phần hoặc từ thời điểm được cấp chứng chỉ xác nhận; các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng làm minh chứng đạt yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ phải thuộc danh sách hoặc danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

7. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể về quy trình công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của người học theo các chương trình và trình độ đào tạo và đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Liên kết đào tạo sau đại học

1. Liên kết đào tạo sau đại học ở trong nước là việc phối hợp giữa các cơ sở đào tạo trong nước để tuyển sinh, giảng dạy, đánh giá người học và cấp bằng theo quy định của pháp luật, trong đó:

a) Cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ là cơ sở chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quyền lợi người học, bảo đảm chất lượng, đánh giá người học, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng;

b) Cơ sở phối hợp là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học ở trình độ, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng có chức năng, nhiệm vụ và có đủ năng lực tham gia thực hiện một số nội dung của chương trình liên kết đào tạo;

c) Hoạt động liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe được thực hiện giữa các cơ sở đào tạo được phép hoạt động trong cùng phạm vi lĩnh vực sức khỏe; các cơ sở liên kết đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với việc đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của pháp luật.

2. Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ, cơ sở chủ trì chịu trách nhiệm chính trong tổ chức đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh, đánh giá luận án và bảo đảm chất lượng học thuật; cơ sở phối hợp tham gia thực hiện các nội dung của chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và điều kiện bảo đảm chất lượng.

3. Việc liên kết đào tạo phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, chương trình đào tạo và các quy định của cơ sở đào tạo chủ trì;

b) Bảo đảm chất lượng đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng, quyền lợi của người học;

c) Xác định rõ trách nhiệm của cơ sở chủ trì và cơ sở phối hợp trong tổ chức đào tạo, quản lý người học, bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình;

d) Cơ sở phối hợp thực hiện các nội dung liên kết đào tạo theo phân công của cơ sở chủ trì và thỏa thuận liên kết đào tạo;

đ) Cơ sở chủ trì chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện không ít hơn 50% tổng khối lượng học tập của chương trình liên kết đào tạo;

e) Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết được tính vào số lượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo chủ trì và cơ sở đào tạo phối hợp theo tỷ lệ tham gia của mỗi bên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

g) Công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, nội dung liên kết đào tạo và trách nhiệm của các bên liên quan.

4. Đối với chương trình liên kết đào tạo sau đại học với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài:

a) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (đơn vị thực hiện liên kết và cấp bằng) phải được thành lập và hoạt động hợp pháp tại nước sở tại; có tư cách pháp nhân và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên;

b) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành;

c) Chương trình liên kết đào tạo là chương trình đang triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài;

d) Yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không thấp hơn quy định yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ, ngành, lĩnh vực tương ứng của Việt Nam;

đ) Văn bằng do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp cho người học tại Việt Nam phải bảo đảm tương đương về hình thức, giá trị pháp lý và quyền học tập lên các trình độ cao hơn với văn bằng cấp cho người học tại trụ sở chính;

e) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải bố trí giảng viên của mình tham gia thực hiện ít nhất 25% tổng khối lượng học tập của chương trình liên kết đào tạo; giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm trình độ chuyên môn, học hàm, học vị phù hợp với quy định từ tiến sĩ trở lên và năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu truyền tải nội dung chương trình đào tạo.

CHƯƠNG II

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Điều 6. Đối tượng và yêu cầu dự tuyển

1. Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu về năng lực ngôn ngữ sử dụng trong chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm học tập theo quy định của cơ sở đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể yêu cầu đầu vào của từng chương trình đào tạo, nhưng không thấp hơn yêu cầu đầu vào quy định tại chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ, ngành, lĩnh vực tương ứng, bao gồm:

a) Chuyên môn phù hợp của người dự tuyển;

b) Yêu cầu về năng lực học tập, kết quả học tập và kinh nghiệm của người dự tuyển (nếu có);

c) Yêu cầu về năng lực ngôn ngữ phù hợp với chương trình đào tạo;

3. Cơ sở đào tạo được quy định yêu cầu đầu vào cao hơn quy định của Quy chế này; quy định bổ sung về học phần, kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp hoặc năng lực nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và yêu cầu bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo.

Điều 7. Tổ chức tuyển sinh

1. Cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh một hoặc nhiều đợt trong năm phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo, năng lực đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng.

2. Việc tuyển sinh phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, trung thực và đánh giá đúng năng lực của người dự tuyển.

3. Cơ sở đào tạo được ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức tuyển sinh khi bảo đảm độ tin cậy, tính xác thực và công bằng trong đánh giá người dự tuyển.

4. Thông báo tuyển sinh phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo ít nhất 30 ngày làm việc trước khi hết hạn nhận hồ sơ tuyển sinh, trong đó cung cấp đầy đủ thông tin về đối tượng dự tuyển, điều kiện dự tuyển, phương thức tuyển sinh, số lượng tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, quyền và nghĩa vụ của người học và các thông tin cần thiết khác để người dự tuyển thực hiện đăng ký dự tuyển.

5. Cơ sở đào tạo ban hành quy định nội bộ về tuyển sinh; tổ chức kiểm tra, giám sát nội bộ; lưu trữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu tuyển sinh và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công nhận người học trúng tuyển

1. Cơ sở đào tạo công nhận trúng tuyển đối với người dự tuyển đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo và các điều kiện tuyển sinh theo quy định và hoàn thiện hồ sơ nhập học theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

2. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, cơ sở đào tạo quy định lộ trình đào tạo, các giai đoạn đào tạo và điều kiện chuyển tiếp giữa các giai đoạn của chương trình; việc chuyển tiếp được thực hiện khi người học đáp ứng các điều kiện theo quy định của chương trình đào tạo.

Điều 9. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15, quy định về chuẩn nghề nghiệp giảng viên đại học, chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, lĩnh vực và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Giảng viên giảng dạy từng học phần của chương trình đào tạo phải đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và năng lực nghề nghiệp phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, định hướng đào tạo và yêu cầu bảo đảm chất lượng của học phần.

3. Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao, đào tạo giáo viên và sức khỏe, giảng viên chưa có bằng tiến sĩ nhưng có một (01) trong các danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ

nhân ưu tú, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích vô địch quốc gia, châu lục hoặc thế giới hoặc được phong cấp kiện tướng quốc gia và có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với nội dung giảng dạy, đáp ứng yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo, được tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo theo Thông tư quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 10. Tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả học tập

1. Cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tại trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo khác theo đúng số lượng tuyển sinh xác định theo trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo khác tại quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ trong phạm vi được cấp phép, phê duyệt tổ chức thực hiện và yêu cầu bảo đảm chất lượng.

2. Hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế có thể được tổ chức ngoài phạm vi của cơ sở đào tạo nhưng không vượt quá 30% tổng khối lượng chương trình đào tạo trừ trường hợp chuẩn chương trình đào tạo hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Đối với các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, nghệ thuật, thể thao và một số lĩnh vực cụ thể khác, việc tổ chức thực hành, thực tập và đào tạo ngoài phạm vi của cơ sở đào tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, chuẩn chương trình đào tạo và yêu cầu của chương trình đào tạo.

4. Cơ sở đào tạo được hợp tác tổ chức thực hiện một số nội dung học phần của chương trình đào tạo với cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu, cơ sở thực hành, doanh nghiệp và các tổ chức khác để huy động, sử dụng đội ngũ chuyên gia, cơ sở thực tập, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

5. Việc lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức đào tạo, đăng ký học tập, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo và quy định của Quy chế này.

6. Cơ sở đào tạo quy định việc đăng ký học tập của người học theo từng chương trình đào tạo, bao gồm:

a) Quy trình đăng ký học tập;

b) Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà một người học được đăng ký trong mỗi học kỳ;

c) Điều kiện, nguyên tắc và thủ tục đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt, học song song và các trường hợp điều chỉnh kế hoạch học tập khác (nếu có).

7. Cơ sở đào tạo quy định các trường hợp buộc thôi học đối với người học không hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối đa theo quy định hoặc vi phạm các quy định về học tập, nghiên cứu, liêm chính học thuật theo quy định của pháp luật.

8. Việc đánh giá và tính điểm các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ được thực hiện tương tự như đánh giá ở trình độ đại học, theo quy định của cơ sở đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Cơ sở đào tạo được tổ chức đào tạo và đánh giá trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Việc tổ chức giảng dạy, học tập trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và phương thức đào tạo của chương trình đào tạo;

b) Khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo, trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Việc đánh giá trực tuyến phải bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy, công bằng, khách quan và tương đương với đánh giá trực tiếp;

d) Việc tổ chức đào tạo trực tuyến phải tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đại học.

10. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm duy trì việc đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm chất lượng, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học liệu và quy mô người học phù hợp với năng lực đào tạo tại trụ sở chính, phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

Điều 11. Thực hiện luận văn thạc sĩ

1. Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, học thuật người học phải thực hiện luận văn để được công nhận tốt nghiệp.

2. Luận văn được thực hiện dưới sự hướng dẫn của ít nhất một (01) người hướng dẫn đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ quy định tại Điều 9 của Quy chế này và có công bố khoa học phù hợp với lĩnh vực tham gia hướng dẫn.

3. Luận văn được hội đồng đánh giá thông qua hình thức bảo vệ hoặc chấm luận văn theo quy định của cơ sở đào tạo, bảo đảm khách quan, công bằng

và minh bạch. Hội đồng đánh giá luận văn phải bảo đảm tính độc lập và trách nhiệm học thuật, có số lượng thành viên là số lẻ từ 03 người trở lên; các thành viên Hội đồng có trình độ tiến sĩ trở lên, là giảng viên ở trong và ngoài cơ sở đào tạo, nhà khoa học hoặc chuyên gia của các doanh nghiệp, có chuyên môn phù hợp. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm học viên nộp dự thảo luận văn, cơ sở đào tạo có trách nhiệm tổ chức đánh giá luận văn.

4. Luận văn và hồ sơ đánh giá luận văn được quản lý, lưu trữ và công khai theo quy định của pháp luật; bảo đảm khả năng tra cứu, xác minh phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trường hợp thuộc danh mục bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Cơ sở đào tạo tổ chức thẩm định luận văn trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bảo đảm chất lượng hoặc khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Hội đồng thẩm định luận văn phải bảo đảm tính độc lập, khách quan và đáp ứng yêu cầu chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của luận văn;

b) Thành viên hội đồng đã tham gia đánh giá luận văn không tham gia hội đồng thẩm định luận văn.

Điều 12. Tổ chức thực hiện các hình thức tốt nghiệp khác

1. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, chuyên nghiệp cơ sở đào tạo quy định thực hiện hoặc không thực hiện luận văn, tổ chức thực hiện đề án, dự án, thi tốt nghiệp hoặc hình thức tốt nghiệp khác phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và định hướng đào tạo của chương trình đào tạo.

2. Việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đánh giá và công nhận kết quả tốt nghiệp phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, trách nhiệm học thuật và phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.

3. Đề án, dự án, kết quả thi tốt nghiệp được lưu trữ và công bố theo quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm khả năng tra cứu, xác minh phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trường hợp thuộc danh mục bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 13. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng các yêu cầu tốt nghiệp theo quy định của chương trình đào tạo, bao gồm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực ngoại ngữ, năng lực số, trí tuệ nhân tạo và các yêu cầu khác (nếu có);

b) Hoàn thành các nghĩa vụ của người học theo quy định của cơ sở đào tạo và không thuộc trường hợp bị đình chỉ học tập.

2. Cơ sở đào tạo tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày người học hoàn thành các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp cần thẩm định, thời hạn này được kéo dài không quá 03 tháng.

3. Cơ sở đào tạo cấp bằng thạc sĩ và cập nhật dữ liệu văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc xác nhận kết quả học tập đối với các học phần, khối lượng học tập mà người học đã hoàn thành theo quy định.

6. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết về:

a) Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn;

b) Số lượng tối đa người học mà một (01) giảng viên được phân công hướng dẫn đồng thời, bảo đảm giảng viên thực hiện đầy đủ trách nhiệm hướng dẫn, phù hợp với khối lượng công việc, thời gian làm việc chuẩn của giảng viên đại học và yêu cầu bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo;

c) Công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, chứng chỉ giáo dục đại học và việc học lại các học phần hoặc kết quả học tập không còn giá trị;

d) Điều kiện tiếp tục học tập, bảo lưu kết quả học tập đối với người học chưa hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối đa;

đ) Quy trình giao, thay đổi đề tài luận văn và người hướng dẫn; thời gian thực hiện luận văn, đề án hoặc dự án;

e) Quy đổi giữa các thang điểm đánh giá;

g) Yêu cầu về nội dung chuyên môn, cấu trúc, hình thức và bảo đảm liêm chính học thuật đối với luận văn, đề án, dự án và các sản phẩm học tập khác được sử dụng để đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp.

Chương III

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Điều 14. Đối tượng và yêu cầu dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học hạng giỏi trở lên, bao gồm cả chương trình đào tạo chuyên sâu; trường hợp tốt nghiệp hạng khá phải đáp ứng yêu cầu bổ sung về công trình nghiên cứu khoa học hoặc kinh nghiệm công tác theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Yêu cầu dự tuyển trình độ tiến sĩ

a) Đáp ứng yêu cầu đầu vào chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định, và không thấp hơn quy định tại chuẩn chương trình đào tạo ở trình độ, lĩnh vực, ngành tương ứng;

b) Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về năng lực ngôn ngữ tương ứng;

c) Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu về năng lực ngôn ngữ sử dụng trong chương trình đào tạo và các điều kiện bảo đảm học tập theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể yêu cầu về kiến thức nền tảng; học phần, khối lượng học tập hoặc điều kiện bổ sung; năng lực nghiên cứu; năng lực ngoại ngữ; kinh nghiệm công tác; định hướng nghiên cứu và các yêu cầu cần thiết khác đối với người dự tuyển.

Điều 15. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh một hoặc nhiều đợt trong năm phù hợp với năng lực đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

2. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển do cơ sở đào tạo quyết định bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

3. Cơ sở đào tạo được tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng tương đương với tuyển sinh theo hình thức trực tiếp.

4. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 30 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển và phải bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết để người dự tuyển thực hiện việc đăng ký dự tuyển, tham gia tuyển sinh và theo học chương trình đào tạo, trong đó có các nội dung về điều kiện dự tuyển, ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức và kế hoạch tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, chính sách hỗ trợ người học (nếu có) và các thông tin khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

5. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có các thông tin cơ bản gồm: họ tên nghiên cứu sinh, chương trình đào tạo, thời gian đào tạo, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh; nghiên cứu sinh hoàn thành hồ sơ trúng tuyển nộp cho cơ sở đào tạo khi nhập học.

6. Cơ sở đào tạo thực hiện kiểm tra, giám sát nội bộ, lưu trữ hồ sơ và chịu trách nhiệm giải trình về toàn bộ quá trình tổ chức tuyển sinh theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 16. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Điều 29 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và những quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực nghiên cứu, giảng dạy, ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ số đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm.

2. Giảng viên chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm giảng dạy hoặc tham gia nghiên cứu khoa học kể từ khi được cấp bằng tiến sĩ và có kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với lĩnh vực chuyên môn giảng dạy theo quy định của cơ sở đào tạo, có công trình công bố khoa học hằng năm.

3. Ngoài các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở đào tạo được mời các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và

người Việt Nam ở nước ngoài do Chính phủ quy định được tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Người hướng dẫn

1. Người hướng dẫn phải đáp ứng tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này (bao gồm cả đối tượng thuộc khoản 3 Điều 16 của Quy chế này) và có năng lực hướng dẫn nghiên cứu, có công bố khoa học thuộc danh mục Web of Science (WoS) hoặc Scopus hoặc sách xuất bản hoặc bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu trong 05 năm tính đến thời điểm hướng dẫn nghiên cứu sinh, đồng thời đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành, lĩnh vực đào tạo.

2. Trường hợp người hướng dẫn không có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế này và khoản 1 Điều này.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu hoặc đồng cơ hữu của cơ sở đào tạo bảo đảm thời gian làm việc tại cơ sở đào tạo phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Một giảng viên hướng dẫn số lượng nghiên cứu sinh đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ không vượt quá số lượng tối đa quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định số lượng tuyển sinh trình độ tiến sĩ ở cùng một thời điểm; trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

5. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ, theo dõi, đánh giá và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu và các nhiệm vụ học thuật theo chương trình đào tạo;

b) Đề xuất hoặc cho ý kiến về việc điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu, đề tài luận án và các nội dung khác liên quan đến quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh;

c) Xác nhận đề tài luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh và đề xuất Hiệu trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt trong thời hạn tối đa 18 tháng kể từ ngày nghiên cứu sinh được công nhận trúng tuyển;

d) Đề xuất việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn và việc bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo khi nghiên cứu sinh đáp ứng các yêu cầu theo quy định;

đ) Thực hiện và hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện các quy định về đạo đức nghiên cứu, liêm chính học thuật và liêm chính khoa học; chịu trách nhiệm đối với các công trình, sản phẩm khoa học công bố chung với nghiên cứu sinh trong phạm vi trách nhiệm của đồng tác giả theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở đào tạo.

6. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể tiêu chuẩn, quyền, trách nhiệm, cam kết về liêm chính khoa học của giảng viên, việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và các nội dung có liên quan phù hợp với quy định của Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả học tập

1. Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo nghiên cứu sinh theo chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, trong đó định hướng nghiên cứu nhằm phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới, định hướng ứng dụng nhằm giải quyết vấn đề, dự án, đề tài ứng dụng thực tiễn.

2. Nghiên cứu sinh phải xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa được cơ sở đào tạo phê duyệt trên cơ sở đề xuất của người hướng dẫn; cơ sở đào tạo quy định nội dung, quy trình xây dựng, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

3. Các cơ sở đào tạo được hợp tác tổ chức giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu sinh, công nhận kết quả học tập và chia sẻ nguồn lực đào tạo, nghiên cứu trên cơ sở thỏa thuận hợp tác và bảo đảm yêu cầu chất lượng của chương trình đào tạo. Việc hợp tác quy định tại khoản này không làm thay đổi trách nhiệm của cơ sở đào tạo đối với tuyển sinh, quản lý người học, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, công nhận trình độ và cấp bằng theo quy định của Quy chế này.

4. Việc đánh giá và tính điểm các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được thực hiện thống nhất như đánh giá học phần ở các chương trình đào tạo trình độ đại học, theo Quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cơ sở đào tạo tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện

hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo; việc tổ chức đào tạo trực tuyến không thay thế yêu cầu học tập toàn thời gian và tham gia hoạt động học thuật trực tiếp của nghiên cứu sinh; quy định chi tiết thông tin tổ chức đào tạo bao gồm thời gian, địa điểm, phương thức tổ chức đào tạo, bảo vệ đề cương nghiên cứu, nghiên cứu khoa học, các hoạt động liên quan đến trợ giảng, seminar khoa học của nghiên cứu sinh. Việc tổ chức đào tạo trực tuyến phải tuân thủ quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đại học.

6. Cơ sở đào tạo tổ chức, quản lý và tạo điều kiện để nghiên cứu sinh:

a) Tham gia hoạt động học thuật, nghiên cứu, trợ giảng và các hoạt động chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo và định hướng nghiên cứu;

b) Tham gia trao đổi học thuật, học tập, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện để nghiên cứu sinh trao đổi học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài;

d) Tiếp cận các nguồn học bổng, hỗ trợ nghiên cứu khoa học và các điều kiện bảo đảm học tập, nghiên cứu phù hợp với khả năng của cơ sở đào tạo.

Điều 19. Công nhận kết quả học tập chương trình đào tạo tích hợp

1. Chương trình đào tạo tích hợp được thiết kế thống nhất, liên thông nhằm tạo điều kiện cho người học tích lũy kết quả học tập, nghiên cứu theo lộ trình liên tục để đạt văn bằng ở trình độ đào tạo cao nhất của chương trình.

2. Kết quả học tập, kết quả nghiên cứu và các yêu cầu học thuật khác đã hoàn thành trong chương trình đào tạo tích hợp được công nhận trong toàn bộ chương trình đào tạo và được sử dụng để xét hoàn thành yêu cầu học tập của các giai đoạn tiếp theo theo cấu trúc của chương trình đào tạo.

3. Người học không phải học lại hoặc thực hiện lại các học phần, nội dung học tập, nghiên cứu hoặc yêu cầu học thuật đã được công nhận trong chương trình đào tạo tích hợp.

4. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể việc công nhận, sử dụng kết quả học tập và cấp văn bằng trong chương trình đào tạo tích hợp phù hợp với cấu trúc chương trình đào tạo và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 20. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh được xem xét thay đổi đề tài luận án, người hướng dẫn, đơn vị chuyên môn phụ trách hoặc cơ sở đào tạo phù hợp với yêu cầu học tập, nghiên cứu.

2. Việc thay đổi phải bảo đảm:

a) Phù hợp yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Có kế hoạch học tập, nghiên cứu điều chỉnh tương ứng;

c) Bảo đảm thời gian đào tạo theo quy định của Quy chế này.

3. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối đa theo quy định của Quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về học tập, nghiên cứu, liêm chính học thuật hoặc quy định của pháp luật.

4. Trường hợp nghiên cứu sinh được tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu, thay đổi cơ sở đào tạo, thay đổi chương trình đào tạo hoặc chuyển sang chương trình đào tạo phù hợp khác theo quy định của Quy chế này thì việc công nhận, bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy được thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo và Quy chế này.

5. Cơ sở đào tạo quyết định việc thay đổi trong quá trình đào tạo, kéo dài hoặc rút ngắn thời gian học tập, nghiên cứu, thôi học, buộc thôi học, bảo lưu, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

6. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và điều kiện thực hiện các nội dung thay đổi trong quá trình đào tạo quy định tại Điều này.

Điều 21. Luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, thể hiện năng lực nghiên cứu độc lập, phát hiện và giải quyết vấn đề khoa học hoặc thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu về tính mới, tính học thuật, tính trung thực và liêm chính khoa học.

2. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể cấu trúc, hình thức và yêu cầu học thuật của luận án tiến sĩ phù hợp với yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo của ngành, lĩnh vực đào tạo.

3. Luận án tiến sĩ có thể được xây dựng theo hình thức luận án chuyên khảo hoặc trên cơ sở các công bố khoa học của nghiên cứu sinh theo quy định của cơ sở đào tạo và phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo.

4. Nghiên cứu sinh được đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo, các yêu cầu trước khi đánh giá luận án theo quy định của chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo;

b) Bản thảo luận án được người hướng dẫn đồng ý đề nghị được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Đáp ứng yêu cầu về công bố khoa học, kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm khoa học, công nghệ, nghệ thuật, thể thao theo quy định của chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo ban hành nhưng không thấp hơn quy định tại chuẩn chương trình đào tạo tương ứng;

d) Cam kết về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học về công bố khoa học, kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm khoa học, công nghệ, nghệ thuật, thể thao sử dụng trong luận án tiến sĩ.

5. Công bố khoa học, kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm quy định tại khoản 4 Điều này phải có liên quan trực tiếp đến nội dung nghiên cứu của luận án và được công bố, xuất bản hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp nhận trước thời điểm tổ chức đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo, gồm một (01) trong các trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của một (01) hoặc một số công bố khoa học thuộc một trong các loại sau đây: bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS hoặc Scopus; chương sách tham khảo do nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành; bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước trong danh mục tạp chí khoa học quốc gia loại I tiêu chuẩn khoa học Việt Nam của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hằng năm;

b) Nghiên cứu sinh là tác giả hoặc đồng tác giả kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đã được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích trong nước hoặc quốc tế;

c) Đối với lĩnh vực nghệ thuật và thể thao, nghiên cứu sinh là tác giả hoặc đồng tác giả của các tác phẩm, công trình hoặc thành tích chuyên môn đã được công bố, biểu diễn, thi đấu hoặc đạt giải tại cuộc thi, liên hoan, giải thi đấu quốc gia hoặc quốc tế do cơ quan có thẩm quyền tổ chức hoặc công nhận;

d) Số lượng cụ thể công bố khoa học ở điểm a khoản này, kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ ở điểm b khoản này, tác phẩm, công trình hoặc thành tích chuyên môn ở điểm c khoản này được quy định tại chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng.

6. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn được tổ chức theo hình thức sinh hoạt học thuật nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh hoàn thiện luận án trước khi thực hiện phản biện độc lập và bảo vệ luận án tại cơ sở đào tạo.

Điều 22. Phản biện độc lập

1. Phản biện độc lập là quá trình phân tích, đánh giá độc lập, khách quan về chất lượng chuyên môn, tính nguyên bản, liêm chính học thuật và những đóng góp mới của luận án trước khi luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm hoàn thành quy trình phản biện độc lập trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ thời điểm nghiên cứu sinh nộp dự thảo luận án đã được đơn vị chuyên môn thông qua; trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 4 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

3. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 03 phản biện độc lập, trong đó có ít nhất 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài không thuộc cơ sở đào tạo; người phản biện độc lập phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án và đáp ứng tiêu chuẩn của người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

b) Thường xuyên tham gia hoạt động giảng dạy sau đại học và có năng lực nghiên cứu khoa học;

c) Không có xung đột lợi ích với nghiên cứu sinh hoặc người hướng dẫn;

d) Không có quan hệ gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột) với nghiên cứu sinh;

đ) Không tham gia hướng dẫn hoặc đồng thực hiện nghiên cứu liên quan trực tiếp đến nội dung luận án;

e) Không vi phạm liêm chính học thuật, liêm chính khoa học;

g) Chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá độc lập.

4. Ý kiến phản biện độc lập phải kết luận rõ đồng ý hoặc không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án; việc xác định kết quả phản biện độc lập được thực hiện như sau:

a) Luận án được xác định đạt yêu cầu khi có ít nhất 02 ý kiến đồng ý của người phản biện độc lập;

b) Trường hợp có một (01) ý kiến không đồng ý, cơ sở đào tạo gửi luận án để lấy thêm ý kiến của một (01) người phản biện độc lập khác làm căn cứ xem xét, quyết định;

c) Trường hợp có từ 02 ý kiến phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, cơ sở đào tạo yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và thực hiện quy trình phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện phản biện độc lập quá hai lần đối với cùng một luận án.

5. Cơ sở đào tạo quyết định và chịu trách nhiệm đối với trường hợp nghiên cứu sinh có kết quả công bố khoa học liên quan đến nội dung luận án vượt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được miễn thực hiện quy trình phản biện độc lập quy định tại Điều này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Các công bố khoa học bao quát và liên quan trực tiếp đến các nội dung của luận án;

b) Số lượng công bố khoa học trên tạp chí khoa học phải nhiều hơn ít nhất 02 (hai) bài báo thuộc danh mục WoS hoặc Scopus và được xếp loại Q1 hoặc Q2 so với số lượng yêu cầu của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của các bài báo quy định tại điểm a và b khoản này;

d) Nghiên cứu sinh cam kết và chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định về liêm chính khoa học, liêm chính học thuật đối với các công bố khoa học liên quan đến luận án.

6. Việc miễn phản biện độc lập phải được Hội đồng khoa học và đào tạo hoặc hội đồng chuyên môn có thẩm quyền của cơ sở đào tạo xem xét, quyết định trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản này; căn cứ miễn phản biện độc lập phải được công khai trong hồ sơ đào tạo và cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm giải trình và chịu sự kiểm tra, thanh tra, hậu kiểm theo quy định của pháp luật.

7. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết về:

a) Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến, tiếp nhận, xử lý và lưu trữ ý kiến phản biện độc lập;

b) Việc bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập trong thời gian thực hiện phản biện; việc thay thế, bổ sung phản biện độc lập;

c) Quy trình, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền thẩm định, xác nhận và trách nhiệm giải trình đối với trường hợp miễn phản biện độc lập quy định tại khoản 5 Điều này;

d) Trách nhiệm của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, người phản biện độc lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình phản biện độc lập;

đ) Việc xác định các trường hợp xung đột lợi ích, kiểm soát đạo văn, quản lý, lưu trữ và công khai luận án, công bố khoa học, cơ sở dữ liệu luận án phục vụ công tác quản lý và hậu kiểm.

Điều 23. Bảo vệ luận án tại cơ sở đào tạo

1. Luận án tiến sĩ được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không vi phạm quy định về liêm chính khoa học, liêm chính học thuật, bản quyền, sở hữu trí tuệ; đáp ứng yêu cầu kiểm soát trùng lặp theo quy định của cơ sở đào tạo; tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về hình thức trình bày luận án và trích dẫn, sử dụng kết quả nghiên cứu của tổ chức, cá nhân khác.

b) Đạt yêu cầu phản biện độc lập theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

2. Cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá luận án bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Thành viên của Hội đồng đánh giá luận án là người thường xuyên giảng dạy sau đại học, có năng lực nghiên cứu vượt trội; có hiểu biết sâu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của luận án;

b) Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 05 thành viên; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo chiếm tối thiểu 40%;

c) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có tối thiểu 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

d) Chủ tịch Hội đồng có chức danh từ phó giáo sư trở lên, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đang làm việc tại cơ sở giáo dục đại học hoặc viện nghiên cứu được phép đào tạo tiến sĩ ở trong nước hoặc nước ngoài;

đ) Không có xung đột lợi ích với nghiên cứu sinh và không có quan hệ gia đình với nghiên cứu sinh theo quy định của cơ sở đào tạo;

e) Hội đồng có thời hạn hoạt động tối đa 03 tháng kể từ ngày cơ sở đào tạo ban hành quyết định thành lập; hết thời gian Hội đồng chưa tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án thì cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng mới.

3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ khi luận án đạt yêu cầu phản biện độc lập, cơ sở đào tạo phải tổ chức buổi bảo vệ luận án. Thời gian, địa điểm tổ chức bảo vệ luận án và tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo tối thiểu 15 ngày trước ngày bảo vệ, trừ trường hợp luận án thuộc danh mục bí mật nhà nước.

4. Hội đồng đánh giá luận án được tổ chức theo các hình thức sau:

a) Hình thức trực tiếp khi có ít nhất 80% thành viên Hội đồng có mặt; Chủ tịch và Thư ký không vắng mặt;

b) Hình thức trực tuyến bảo đảm 100% thành viên Hội đồng tham dự và được áp dụng trong các trường hợp nghiên cứu sinh là công dân nước ngoài đã hoàn thành việc nộp luận án tiến sĩ và đã trở về nước hoặc giảng viên hướng dẫn hoặc thành phần Hội đồng là giảng viên, nhà khoa học của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu ở nước ngoài. Trường hợp tổ chức trực tuyến do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình huống bất khả kháng khác thực hiện theo thông báo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Hội đồng đánh giá luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Đánh giá toàn diện, khách quan, chuyên sâu về giá trị khoa học, đóng góp mới và kết quả nghiên cứu của luận án mà không phụ thuộc vào ý kiến của phản biện độc lập;

b) Bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án và chịu trách nhiệm về kết quả bỏ phiếu; yêu cầu nghiên cứu sinh chỉnh sửa, bổ sung luận án nếu cần thiết;

c) Đề nghị việc tổ chức đánh giá lại đối với trường hợp luận án không được thông qua theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Luận án được đánh giá đạt yêu cầu khi tối thiểu 80% thành viên Hội đồng thông qua;

đ) Diễn biến của buổi bảo vệ luận án phải được ghi thành biên bản; trường hợp tổ chức trực tuyến phải bảo đảm xác thực người tham dự, thực hiện ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu tại cơ sở đào tạo.

6. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết về:

a) Điều kiện đối với nghiên cứu sinh trước khi bảo vệ luận án;

b) Quy trình thành lập, thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Thư ký, phản biện và các thành viên Hội đồng;

d) Quy trình tổ chức bảo vệ luận án trực tiếp và trực tuyến;

đ) Việc xác định xung đột lợi ích của thành viên Hội đồng;

e) Hồ sơ, lưu trữ, công khai kết quả bảo vệ luận án.

Điều 24. Đào tạo và bảo vệ luận án theo chế độ mật

1. Luận án có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc thuộc trường hợp hạn chế tiếp cận, công bố theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận nghiên cứu hợp pháp được tổ chức đánh giá, bảo vệ, quản lý và lưu trữ theo chế độ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá và bảo vệ luận án theo chế độ mật phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ, an ninh dữ liệu và chất lượng học thuật của chương trình đào tạo tiến sĩ.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo tiến sĩ. Trường hợp kết quả nghiên cứu không được phép công bố công khai theo quy định của pháp luật thì được thay thế bằng báo cáo khoa học, báo cáo chuyên môn hoặc sản phẩm nghiên cứu được cơ sở đào tạo và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc quản lý, lưu trữ, khai thác, quy trình tiếp cận, sử dụng, công bố và bảo vệ luận án theo chế độ mật theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đánh giá lại luận án

1. Trường hợp luận án không được Hội đồng đánh giá luận án thông qua nhưng kiến nghị cho phép đánh giá lại, cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai và tổ chức đánh giá lại luận án trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc buổi bảo vệ lần thứ nhất. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai có không quá 50% số thành viên đã tham gia Hội đồng đánh giá lần thứ nhất. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng là số lẻ thì số thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất được làm tròn xuống số nguyên gần nhất. Các thành viên tiếp tục tham gia Hội đồng lần thứ hai không được giữ cùng chức danh đã đảm nhiệm tại Hội đồng lần thứ nhất đối với Chủ tịch, Thư ký hoặc phản biện.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất không kiến nghị cho phép đánh giá lại;

b) Luận án đã được đánh giá lại một (01) lần nhưng không được Hội đồng thông qua.

3. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đánh giá lại luận án theo quy định của Quy chế này, bảo đảm tính độc lập, khách quan và minh bạch.

Điều 26. Công nhận trình độ và cấp bằng

1. Nghiên cứu sinh được xem xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, năng lực số và các yêu cầu khác theo quy định của chương trình đào tạo;

b) Đã được Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo thông qua luận án và hoàn thành việc chỉnh sửa, bổ sung luận án theo kết luận của Hội đồng (nếu có);

c) Có bản luận án chính thức được cơ sở đào tạo kiểm tra, xác nhận đáp ứng yêu cầu về liêm chính khoa học, quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật trước khi lưu trữ, công bố và cấp bằng;

d) Đã hoàn thành việc nộp luận án và dữ liệu liên quan theo quy định của cơ sở đào tạo và của Thư viện Quốc gia Việt Nam; chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính nguyên bản và tính hoàn chỉnh của bản luận án chính thức đã được Hội đồng đánh giá luận án thông qua.

2. Trước khi quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Công khai toàn văn luận án trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trong thời gian tối thiểu 01 tháng (hoặc 30 ngày), trừ trường hợp luận án được bảo vệ theo chế độ mật hoặc bị hạn chế tiếp cận, công bố theo quy định của pháp luật;

b) Cập nhật dữ liệu luận án và dữ liệu về quá trình đào tạo bao gồm hồ sơ dự tuyển; quyết định công nhận nghiên cứu sinh; quyết định giao người hướng dẫn; kết quả học tập, nghiên cứu, bảo vệ luận án trên hệ thống cơ sở dữ liệu

chuyên ngành về giáo dục đại học phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thẩm định và hậu kiểm;

c) Kiểm tra, xác nhận việc hoàn thiện luận án sau bảo vệ; lưu trữ, công bố luận án và xử lý theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở đào tạo khi phát hiện hành vi vi phạm về đạo văn, liêm chính học thuật, quyền tác giả hoặc quyền sở hữu trí tuệ.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ được ban hành, cơ sở đào tạo có trách nhiệm cập nhật và xác thực dữ liệu văn bằng và dữ liệu liên quan trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

4. Người học hết thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo nhưng chưa đủ điều kiện để được công nhận đạt trình độ tiến sĩ được cơ sở đào tạo xác nhận kết quả học tập và nghiên cứu đã tích lũy. Đối với chương trình đào tạo tích hợp, người học đáp ứng yêu cầu của trình độ thạc sĩ theo thiết kế của chương trình đào tạo được xét công nhận trình độ và cấp bằng tương ứng theo quy định của cơ sở đào tạo.

5. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm quản lý, lưu trữ và bảo quản đầy đủ hồ sơ và dữ liệu về quá trình đào tạo, đánh giá luận án, công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn dữ liệu và khả năng hậu kiểm.

Điều 27. Kiểm tra, thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, thẩm định việc tổ chức đào tạo, đánh giá luận án, công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ theo yêu cầu quản lý nhà nước hoặc khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm tra nội bộ; định kỳ hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm phải kịp thời rà soát hồ sơ tuyển sinh, quá trình đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ, cấp bằng và thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật; lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, thẩm định và hậu kiểm.

3. Việc kiểm tra, thẩm định được thực hiện trên cơ sở dữ liệu, hồ sơ điện tử và tài liệu liên quan do cơ sở đào tạo quản lý, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Quy chế này.

4. Hồ sơ, dữ liệu phục vụ kiểm tra, thẩm định bao gồm:

a) Hồ sơ dự tuyển; quyết định công nhận nghiên cứu sinh; quyết định giao người hướng dẫn; kết quả học tập, nghiên cứu; hồ sơ đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo; hồ sơ xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ (nếu đã thực hiện);

b) Luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu và tài liệu khác liên quan đến quá trình đào tạo, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

5. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn đối tượng kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở dữ liệu, hồ sơ điện tử do cơ sở đào tạo cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học;

b) Trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu cơ sở đào tạo cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu và giải trình phục vụ công tác kiểm tra, thẩm định;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, thẩm định và thông báo kết quả cho cơ sở đào tạo trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày có đủ thông tin, hồ sơ và tài liệu phục vụ việc kiểm tra, thẩm định.

Điều 28. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định được xác định là đạt yêu cầu khi:

a) Quá trình tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá luận án, công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ đáp ứng quy định của Quy chế này và quy định của cơ sở đào tạo;

b) Luận án đáp ứng yêu cầu về chất lượng học thuật, tính nguyên bản và liêm chính học thuật của trình độ tiến sĩ.

2. Trường hợp kết quả kiểm tra, thẩm định chưa đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo có trách nhiệm giải trình, bổ sung minh chứng, thực hiện biện pháp khắc phục và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc yêu cầu cơ sở đào tạo tổ chức thẩm định lại chất lượng luận án thông qua Hội đồng thẩm định độc lập.

4. Hội đồng thẩm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan và trách nhiệm học thuật; thành viên Hội đồng không tham gia hướng dẫn, phản biện độc lập hoặc Hội đồng đánh giá luận án.

5. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý về chuyên môn.

6. Trường hợp người học chưa được cấp bằng, cơ sở đào tạo xem xét cho phép bổ sung, hoàn thiện điều kiện hoặc tổ chức đánh giá lại luận án theo quy định của Quy chế này.

7. Trường hợp người học đã được cấp bằng, việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng, cơ sở đào tạo có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương IV

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của người học

1. Người học có quyền:

a) Được học tập, nghiên cứu và sử dụng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo chương trình đào tạo;

b) Được tiếp cận đầy đủ quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, kết quả đánh giá, các thông tin liên quan đến quá trình học tập, nghiên cứu; được khiếu nại, kiến nghị theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở đào tạo;

c) Được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quyền và nghĩa vụ của người học;

d) Được bảo đảm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả học tập và nghiên cứu theo quy định của pháp luật;

đ) Được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại và tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người học có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy chế tuyển sinh, đào tạo và các quy định của cơ sở đào tạo;

b) Trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện liêm chính khoa học;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính nguyên bản của luận văn, luận án, đề án và các công bố khoa học liên quan;

d) Tuân thủ đầy đủ quy định về liêm chính học thuật, quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ; không thực hiện hành vi gian lận, sao chép trái quy định;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của cơ sở đào tạo;

e) Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ sở đào tạo.

Điều 30. Quyền và trách nhiệm của giảng viên tham gia đào tạo sau đại học

1. Giảng viên tham gia đào tạo sau đại học có quyền:

a) Tham gia giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá người học và hoạt động học thuật theo chuyên môn được phân công;

b) Được bảo đảm điều kiện thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn người học;

c) Được bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Giảng viên tham gia đào tạo sau đại học có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng quy chế đào tạo, quy định chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

b) Bảo đảm chất lượng giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá người học và chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn được giao;

c) Tuân thủ liêm chính học thuật; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; cam kết thực hiện liêm chính học thuật, không hướng dẫn, xác nhận hoặc tham gia các hoạt động vi phạm quy định về đào tạo và nghiên cứu khoa học;

d) Theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn người học trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn, đề án, luận án;

đ) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, độ tin cậy và kết quả xác nhận chuyên môn đối với người học thuộc phạm vi hướng dẫn hoặc đánh giá theo quy định của cơ sở đào tạo;

e) Người hướng dẫn nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm học thuật đối với quá trình hướng dẫn, chất lượng chuyên môn và việc bảo đảm liêm chính học thuật của luận án.

Điều 31. Quyền và trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo được tự chủ trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá người học, công nhận trình độ và cấp bằng theo quy định của pháp luật và Quy chế này, tổ chức và duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo quy định của Luật Giáo dục đại học;

2. Cơ sở đào tạo thực hiện tự kiểm tra, tự rà soát việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ, cấp bằng; kịp thời phát hiện, xử lý, khắc phục sai sót, vi phạm và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm:

a) Bảo đảm chất lượng đào tạo và duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo quy định;

b) Cập nhật chính xác số lượng, danh sách người học trúng tuyển vào chương trình đào tạo, kết quả học tập, phụ lục văn bằng, bằng tốt nghiệp *số* của người học theo năm tuyển sinh trên hệ thống Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học vào ngày 31 tháng 12 hằng năm*;*

c) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học;

d) Thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản lý dữ liệu theo quy định;

đ) Bảo đảm liêm chính học thuật, kiểm soát đạo văn và xử lý vi phạm theo quy định;

e) Hoàn thành việc cấp văn bằng trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày người học hoàn thành đề án, dự án, luận văn hoặc luận án, trừ trường hợp đề án, dự án, luận văn hoặc luận án phải được thẩm định lại theo quy định. Trường hợp chưa thể cấp văn bằng do đang trong quá trình xác minh, thẩm định hoặc xử lý dấu hiệu vi phạm theo quy định của pháp luật thì cơ sở đào tạo phải thông báo bằng văn bản cho người học, nêu rõ lý do và thời hạn dự kiến giải quyết;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, đánh giá, công nhận trình độ và cấp bằng; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Xây dựng và thực hiện quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm ban hành, công khai và tổ chức thực hiện quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo phải quy định cụ thể:

a) Tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo;

b) Đánh giá kết quả học tập, luận văn, đề án, luận án và phản biện độc lập;

c) Công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ và tổ chức chương trình đào tạo tích hợp;

d) Công nhận trình độ, cấp bằng, quản lý hồ sơ và dữ liệu đào tạo;

đ) Trách nhiệm giải trình, xử lý vi phạm và bảo đảm liêm chính học thuật.

3. Phổ biến đầy đủ quy chế đào tạo của cơ sở đào tạo cho người dự tuyển, người học, giảng viên, người hướng dẫn và các tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người học.

4. Chịu trách nhiệm giải trình và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 33. Lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Cơ sở đào tạo xây dựng mô hình quản trị dữ liệu trên nền tảng số, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu giữa tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và cấp văn bằng; quản lý, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, dữ liệu tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, xác thực, toàn vẹn, an toàn và có khả năng hậu kiểm.

2. Cơ sở đào tạo cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu tuyển sinh, đào tạo, luận văn, luận án, văn bằng và dữ liệu liên quan trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

3. Cơ sở đào tạo thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo các thông tin về:

a) Quy chế tuyển sinh, đào tạo, đánh giá và cấp bằng;

b) Thông tin tuyển sinh, chuẩn đầu ra, hình thức đào tạo, học phí, học bổng và điều kiện duy trì bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo;

c) Đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn, luận văn, đề án, luận án và các thông tin học thuật liên quan theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Tình hình tuyển sinh, học tập và tốt nghiệp của người học theo từng chương trình đào tạo;

đ) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở đào tạo.

4. Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và cập nhật của dữ liệu, thông tin đã công khai và báo cáo.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở đào tạo được tiếp tục tổ chức đào tạo, bảo lưu kết quả học tập, kéo dài thời gian đào tạo, thực hiện luận văn, luận án, phản biện độc lập, bảo vệ luận văn, luận án, xét công nhận tốt nghiệp, công nhận trình độ và cấp bằng theo quy định của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với người học đã trúng tuyển theo thông báo tuyển sinh trước ngày thông tư có hiệu lực và nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Cơ sở đào tạo được tiếp tục áp dụng các quy định khoản 2 Điều 5 về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh và các điểm c và d khoản 1 Điều 14 về yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi thực hiện đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đối với ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng.

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ minh chứng năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Trong thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến trước khi được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cơ sở đào tạo có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy chế đào tạo; rà soát, cập nhật chương trình đào tạo; chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng; công khai thông tin; cập nhật dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định để tổ chức tuyển sinh và đào tạo theo Quy chế ban hành kèm theo Thông tư này.